

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2019

V/v Không công nhận là vợ chồng và
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đo Niê

Bà Bùi Thị Thêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị V, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

Anh L với chị Hồ Thị V chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay nhưng không Đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nay anh L đã không còn tình cảm gì với chị V, không thể tiếp tục chung sống như vợ chồng nữa nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh L với chị V là vợ chồng.

Về con chung: Anh L và chị V có 3 con chung là: Trần Văn S sinh năm 1995; Trần Văn T sinh năm 1998 và Trần Thị Yến N sinh ngày 08/01/2006. Các cháu S và T đã trưởng thành nên anh L không yêu cầu gì. Đối với cháu Trần Thị

Yến N anh L đồng ý để chị V nuôi đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi) và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung anh L với chị V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hồ Thị V trình bày:

Chị V đồng ý với trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân. Chị V với anh L chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1993 đến nay nhưng không Đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi chuyện nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Nay chị V xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh L nữa, nên chị V chấp nhận yêu cầu của anh L là đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh L.

Về con chung: Anh L và chị V có 3 con như anh L trình bày. Chị V có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần Thị Yến N đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung anh L với chị V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX tuyên không công nhận anh Trần Văn L và chị Hồ Thị V là vợ chồng; Giao con chung Trần Thị Yến N, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Hồ Thị V nuôi đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhi mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 06, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Hồ Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hồ Thị V là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L với chị Hồ Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị V. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của anh L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn L với chị Hồ Thị V.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Văn L với chị Hồ Thị V thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Hồ Thị V nuôi đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N thành niên (Đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu N là được ở với chị Hồ Thị V nên HĐXX cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn L với chị Hồ Thị V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn L: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn L với chị Hồ Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Hồ Thị V nuôi đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000 đồng/tháng cho chị V, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N thành niên (Đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn L được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ

quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0006283 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk. Anh L còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đình Nam